

Số: 351 /BC-UBND

TP. Bắc Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả công tác thanh tra, giải quyết KNTC và PCTN trong Quý III và 09 tháng năm 2018; nhiệm vụ, biện pháp thực hiện Quý IV năm 2018

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THANH TRA

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUÝ III/2018.

- Tổng số cuộc đang thực hiện: 02 (kỳ trước chuyển sang 01; triển khai trong kỳ báo cáo 01);

- Về hình thức: Theo kế hoạch 02, thường xuyên 02 và đột xuất 0;

- Về tiến độ:

+ Kết thúc 01 cuộc thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí cấp bù thủy lợi phí tại các Hợp tác xã: Dừng nước Đọ - An Phong, xã Tân Tiến; Dịch vụ thủy nông xã Song Khê; Dịch vụ tổng hợp Đa Mai; Dịch vụ nông nghiệp Thượng Phú và Dịch vụ nông nghiệp Trường Xuân xã Song Mai.

+ Đang thực hiện 01 cuộc thanh tra công tác đầu tư xây dựng do UBND các phường: Lê Lợi và Trần Phú làm chủ đầu tư.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2018.

1. Việc triển khai các cuộc thanh tra

- Tổng số cuộc đang thực hiện: 04 cuộc (kỳ trước chuyển sang 0; triển khai trong kỳ báo cáo 04 cuộc);

- Về hình thức: theo kế hoạch 04 cuộc, thường xuyên 04 cuộc và đột xuất 0;

- Về tiến độ: Đã ban hành kết luận 03 cuộc thanh tra, đang thanh tra 01 cuộc.

2. Kết luận thanh tra

- Phát hiện vi phạm:

+ Số đơn vị có vi phạm 13/số đơn vị được thanh tra 13;

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra:

Về kinh tế: 1.584.000.000.000đ

Về hành chính: 28 cá nhân và 01 tập thể.

- Kiến nghị xử lý vi phạm:

Thu hồi 102.000.000đ. và xử lý khác 1.482.000.000đ do vi phạm trong chi tiêu tài chính (*lập dự toán chưa sát, không đảm bảo thủ tục đầu tư sửa chữa cải tạo công trình, cấp kinh phí TLP chậm, chi thiếu chứng từ, chứng từ chưa đảm bảo, sử dụng từ khoản thu này sang khoản thu khác...*).

3. Việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra

- Số kết luận và quyết định xử lý sau thanh tra ban hành trước năm 2018 nhưng chưa thực hiện xong: 08; lý do: 06 kết luận mới ban hành đang trong thời gian thực hiện, 02 kết luận đã đôn đốc nhưng các đơn vị chưa thực hiện (do các hộ dân thuê đất công ích không nộp tiền thuê đất theo quy định,...).

Kiến nghị phải thực hiện: Về kinh tế: Thu hồi 27 triệu đồng (*truy thu nợ đọng tiền thuê đất công ích,...*). Về hành chính: 65 cá nhân có liên quan tới sai phạm.

Kết quả thực hiện: Đã xử lý 65 cá nhân có liên quan tới sai phạm.

Còn phải thực hiện: Thu hồi 27 triệu đồng (*truy thu nợ đọng tiền thuê đất công ích,...*).

- Số kết luận và quyết định xử lý trong kỳ báo cáo 09 kết luận thanh tra;

Kết quả thực hiện các kiến nghị: Xử lý khác 1.482.000.000đ/1.482.000.000đ phải xử lý; xử lý hành chính kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 22 cá nhân và 01 tập thể có liên quan đến các khuyết điểm, sai phạm.

4. Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực

- Lĩnh vực quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách;

+ Số cuộc thanh tra: 03 cuộc.

+ Số đơn vị được thanh tra: 13 đơn vị.

+ Nội dung thanh tra chủ yếu: Thanh tra công tác quản lý tài chính, ngân sách, đầu tư mua sắm tài sản công tại các trường học; việc quản lý, sử dụng kinh phí cấp bù thủy lợi phí tại các HTX; công tác quản lý tài chính tại 02 Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 và số 2, thành phố Bắc Giang.

+ Số đơn vị có vi phạm và các vi phạm điển hình: 13 đơn vị có vi phạm trong chi tiêu tài chính (*lập dự toán chưa sát, không đảm bảo thủ tục đầu tư sửa chữa cải tạo công trình, cấp kinh phí TLP chậm, chi thiếu chứng từ, chứng từ chưa đảm bảo, sử dụng từ khoản thu này sang khoản thu khác...*).

+ Kiến nghị xử lý: Yêu cầu Hiệu trưởng các trường; Giám đốc các HTX và Giám đốc 02 Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 và số 2, thành phố Bắc Giang chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, mua sắm tài sản công và có trách nhiệm khắc phục những tồn tại, khuyết điểm theo quy định của pháp luật; kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân có liên quan đến các tồn tại, khuyết điểm.

- Kiến nghị xử lý vi phạm:

Thu hồi 102.000.000đ. và xử lý khác 1.482.000.000đ do vi phạm trong chi tiêu tài chính (*lập dự toán chưa sát, không đảm bảo thủ tục đầu tư sửa chữa cải tạo công trình, cấp kinh phí TLP chậm, chi thiếu chứng từ, chứng từ chưa đảm bảo, sử dụng từ khoản thu này sang khoản thu khác...*).

Về hành chính: 28 cá nhân và 01 tập thể.

Kết quả thực hiện các kiến nghị: Xử lý khác 1.482.000.000đ/1.482.000.000đ phải xử lý; xử lý hành chính kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 22 cá nhân và 01 tập thể có liên quan đến các khuyết điểm, sai phạm.

5. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác thanh tra

- Ngày 01/12/2017 Thanh tra thành phố xây dựng kế hoạch số 106/KH-TTR về công tác thanh tra năm 2018 được Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 06/12/2017.

- Quá trình thực hiện Chủ tịch UBND thành phố thường xuyên chỉ đạo và yêu cầu Thanh tra thành phố bám sát và tuân theo các quy định của pháp luật về thanh tra như: Luật Thanh tra ngày 15/11/2010, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

B. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KNTC

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KN, TC, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

1. Công tác tiếp công dân

a) Quý III

- Kết quả tiếp công dân: Toàn thành phố tiếp 133 lượt người; tập trung vào 99 vụ việc (tăng 12 lượt người, giảm 40 vụ việc so với cùng kỳ năm 2017), cụ thể:

+ Tại thành phố tổ chức 06 buổi tiếp dân định kỳ đã tiếp 98 lượt người tập trung vào 64 vụ việc.

+ Tại các phường, xã tổ chức 192 buổi tiếp dân định kỳ, đã tiếp 35 lượt người, tập trung vào 35 vụ việc.

- Kết quả phân loại, xử lý qua tiếp công dân (số vụ việc chưa được giải quyết: 32 vụ việc, đã được giải quyết: 67 vụ việc).

b) Trong 9 tháng năm 2018

- Kết quả tiếp công dân: Trong 9 tháng đầu năm 2018, toàn thành phố đã tiếp 354 lượt người; tập trung vào 332 vụ việc (tăng 48 lượt người, giảm 23 vụ việc so với cùng kỳ năm 2017). Cụ thể:

+ Tại thành phố tổ chức 18 buổi tiếp dân định kỳ, đã tiếp 246 lượt người, tập trung vào 224 vụ việc.

+ Tại các phường, xã tổ chức 576 buổi tiếp dân định kỳ, đã tiếp 108 lượt người, tập trung vào 108 vụ việc.

- Kết quả phân loại, xử lý qua tiếp công dân (số vụ việc chưa được giải quyết: 69 vụ việc, đã được giải quyết: 286 vụ việc).

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư

a) Quý III

- Tiếp nhận tổng số 243 đơn (số đơn tiếp nhận trong kỳ 243, đơn chưa được xử lý kỳ trước chuyển sang 0).

- Phân loại đơn và xử lý đơn thư KNTC, ĐN của công dân:

Trong kỳ, toàn thành phố đã tiếp nhận và xử lý 243 đơn (KN: 16; TC: 4 ; ĐN: 223) tăng 61 đơn so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

+ Đơn không thuộc thẩm quyền: 73 đơn (KN: 0; TC: 0; ĐN: 73).

+ Đơn trùng lặp: 23 đơn (KN: 04; TC: 01; ĐN: 18).

+ Đơn không đủ điều kiện xử lý: 16 đơn (KN: 04; TC: 02; ĐN: 10).

- Đơn thuộc thẩm quyền phải giải quyết: 131 đơn (KN: 8; TC: 1; ĐN: 122), tăng 11 đơn so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

+ Tại UBND thành phố: Tổng số đơn tiếp nhận và xử lý: 172 đơn (KN: 16; TC: 04; ĐN: 152). Cụ thể:

Đơn không thuộc thẩm quyền: 73 đơn (KN: 0; TC: 0; ĐN: 73); Đơn trùng lặp: 23 đơn (KN: 04; TC: 01; ĐN: 18); Đơn không đủ điều kiện xử lý: 16 đơn (KN: 04; TC: 02; ĐN: 10); Đơn thuộc thẩm quyền phải giải quyết: 60 đơn (KN: 8; TC: 01; ĐN: 51), giảm 03 đơn so với cùng kỳ năm 2017.

+ Tại UBND các phường, xã: Tổng số đơn tiếp nhận và xử lý 71 đơn (KN: 0; TC: 0; ĐN: 71), tăng 14 đơn so với cùng kỳ năm 2016.

b) Trong 9 tháng năm 2018

- Tiếp nhận tổng số 616 đơn (số đơn tiếp nhận trong kỳ 616, đơn chưa được xử lý kỳ trước chuyển sang 0), giảm 02 đơn so với cùng kỳ năm 2017.

- Phân loại đơn và xử lý đơn thư KNTC, ĐN của công dân:

Trong kỳ toàn thành phố đã tiếp nhận và xử lý 616 đơn (KN: 47; TC: 6; ĐN: 563). Trong đó:

+ Đơn không thuộc thẩm quyền: 134 đơn (KN: 0; TC: 0; ĐN: 134)

+ Đơn trùng lặp: 55 đơn (KN: 6; TC: 02; ĐN: 47)

+ Đơn không đủ điều kiện xử lý: 26 đơn (KN: 4; TC: 1; ĐN: 21)

+ Đơn thuộc thẩm quyền phải giải quyết: 401 đơn (KN: 37; TC: 03; ĐN: 361) tăng 31 đơn so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

Tại UBND thành phố: Tổng số đơn tiếp nhận và xử lý: 411 đơn (KN: 47; TC: 6; ĐN: 358). Cụ thể: Đơn không thuộc thẩm quyền: 134 đơn (KN: 0; TC: 0; ĐN: 134); Đơn trùng lặp: 55 đơn (KN: 6; TC: 02; ĐN: 47); Đơn không đủ điều kiện xử lý: 26 đơn (KN: 4; TC: 1; ĐN: 21); Đơn thuộc thẩm quyền phải giải quyết: 196 đơn (KN: 37; TC: 03; ĐN: 156), giảm 13 đơn so với cùng kỳ năm 2017.

Tại UBND các phường, xã: Tổng số đơn tiếp nhận và xử lý 205 đơn (KN: 0; TC: 0; ĐN: 205), tăng 44 đơn so với cùng kỳ năm 2017.

- Về nội dung đơn: Trong số đơn phải xem xét, giải quyết chủ yếu có nội dung về đất đai và bồi thường giải phóng mặt bằng chiếm 96%; các nội dung đơn trong các lĩnh vực khác chiếm 4%.

3. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền

a) Quý III

- Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền:

+ Tổng số: đơn khiếu nại 16; vụ việc thuộc thẩm quyền 8; số vụ việc đã giải quyết 01; giải quyết bằng quyết định hành chính 0; số vụ việc giải quyết bằng thuyết phục, hoà giải 01; số vụ việc giải quyết lần 1 là 0.

+ Kết quả giải quyết: Số vụ việc khiếu nại sai 01; chấp hành thời hạn giải quyết theo quy định 01, vượt thời hạn giải quyết 0;

+ Việc thi hành kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (tổng số quyết định giải quyết khiếu nại phải tổ chức thực hiện 0; số quyết định đã thực hiện xong 0).

- Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền: Tổng số: đơn tố cáo 01; thuộc thẩm quyền 01; đã giải quyết xong 0;

+ Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo (tổng số quyết định, kết luận phải tổ chức thực hiện 0; số quyết định, kết luận đã thực hiện xong 0);

- Kết quả thực hiện quyết định xử lý tố cáo: 0.

b) Trong 9 tháng năm 2018

- Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền:

+ Tổng số: Đơn khiếu nại 47; vụ việc thuộc thẩm quyền 37; số vụ việc đã giải quyết 30; giải quyết bằng quyết định hành chính 12; số vụ việc giải quyết bằng thuyết phục, hoà giải 18; số vụ việc giải quyết lần 1 là 30.

+ Kết quả giải quyết: Số vụ việc khiếu nại sai 30; chấp hành thời hạn giải quyết theo quy định 18, vượt thời hạn giải quyết 12;

+ Việc thi hành kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (tổng số quyết định giải quyết khiếu nại phải tổ chức thực hiện 12; số quyết định đã thực hiện xong 12).

- Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền:

+ Tổng số: Đơn tố cáo 06; vụ việc thuộc thẩm quyền 03; số vụ việc đã giải quyết xong 02;

+ Kết quả giải quyết: Số vụ việc tố cáo đúng 0, số vụ việc tố cáo sai 01, số vụ việc tố cáo đúng một phần 01;

+ Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo (tổng số quyết định, kết luận phải tổ chức thực hiện 01; số quyết định, kết luận đã thực hiện xong 01);

+ Kết quả thực hiện quyết định xử lý tố cáo: Kiểm điểm trách nhiệm 03 cá nhân.

4. Giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền

a) Quý III

- Tổng số đơn kiến nghị, phản ánh: 243; vụ việc thuộc thẩm quyền: 122; số vụ việc đã giải quyết: 78;

- Kết quả giải quyết: tổng số tiền, đất, tài sản đã kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết kiến nghị, phản ánh: 0

- Việc tổ chức thực hiện (tổng số vụ việc phải tổ chức thực hiện: 0; số vụ việc đã thực hiện xong: 0);

- Kết quả thực hiện (về kinh tế, hành chính: 0; chuyển cơ quan điều tra xử lý: 0).

b) Trong 9 tháng năm 2018

- Tổng số đơn kiến nghị, phản ánh: 563; vụ việc thuộc thẩm quyền: 362; số vụ việc đã giải quyết: 318;

- Kết quả giải quyết: tổng số tiền, đất, tài sản đã kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết kiến nghị, phản ánh: 0;

- Việc tổ chức thực hiện (tổng số vụ việc phải tổ chức thực hiện: 0; số vụ việc đã thực hiện xong: 0);

- Kết quả thực hiện (về kinh tế, hành chính: 0; chuyển cơ quan điều tra xử lý: 0).

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về KN, TC

a) Quý III

- Việc triển khai các cuộc thanh tra:

+ Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra: 01; số đơn vị được thanh tra trách nhiệm: 01

+ Tổng số cuộc kết thúc thanh tra 01, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị: 0; đã ban hành kết luận: 01.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra:

b) Trong 9 tháng năm 2018

- Việc triển khai các cuộc thanh tra:

+ Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra: 02; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm: 02.

+ Tổng số cuộc kết thúc thanh tra 01, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị: 0; đã ban hành kết luận: 01.

- Kết quả thanh tra:

+ Số đơn vị có vi phạm 01; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra: 01.

+ Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm 02 cá nhân; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản QPPL của các cơ quan quản lý nhà nước: 0.

+ Kết quả thực hiện (về kinh tế, hành chính: rút kinh nghiệm 08 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xử lý: 0).

6. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo

a) Quý III

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo mới được ban hành: 01.

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo được sửa đổi, bổ sung: 0

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về KNTC được tổ chức: 0.

b) Trong 9 tháng năm 2018

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo mới được ban hành: 3

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo được sửa đổi, bổ sung: 0

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo được tổ chức: 0 ; tổng số người tham gia: 0.

C. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PCTN QUÝ III NĂM 2018

1. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN

Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố về phối hợp triển khai thực hiện thí điểm phần mềm một cửa điện tử liên thông 3 cấp (tỉnh - thành phố - phường, xã) tại thành phố.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) *Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng:* Đã thực hiện luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác đối với 26 viên chức tại các trường MM, TH, THCS.

b) *Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN.*

Đã tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh thành phố 22 lượt các văn bản về PCTN, lãng phí và các văn bản có liên quan; biên tập 18 tin, bài phản ánh về PCTN; biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích về PCTN, đồng thời phê phán những trường hợp vi phạm không nghiêm túc thực hiện. Biên tập 17 tin tuyên truyền trong chương trình truyền hình thành phố trên sóng của Đài PT&TH tỉnh và 03 tin, bài trên Báo Bắc Giang. Ngoài ra, đã biên tập 07 tin, bài tuyên truyền về công tác PCTN trên Trang thông tin điện tử của thành phố.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) *Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương:* Không có.

b) *Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra (KTXH):*

- Đang thực hiện: 02 cuộc (kỳ trước chuyển sang 01; triển khai trong kỳ: 01).

- Về hình thức: Theo kế hoạch 02, thường xuyên 02 và đột xuất 0;

- Về tiến độ:

+ Kết thúc 01 cuộc thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí cấp bù thủy lợi phí tại các Hợp tác xã: Dùm nước Độ - An Phong, xã Tân Tiến; Dịch vụ thủy nông xã Song Khê; Dịch vụ tổng hợp Đa Mai; Dịch vụ nông nghiệp Thượng Phú và Dịch vụ nông nghiệp Trường Xuân xã Song Mai.

+ Đang thực hiện 01 cuộc thanh tra công tác đầu tư xây dựng do UBND các phường: Lê Lợi và Trần Phú làm chủ đầu tư.

c) *Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN:*

- Tổng số cuộc đang thực hiện: 01 (kỳ trước chuyển sang 00; triển khai trong kỳ: 01). Đã kết thúc thanh tra trách nhiệm Chủ tịch UBND phường Trần nguyên Hãn trong thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, KN, TC và PCTN.

- Kết quả xử lý:

+ Về kinh tế: Thu hồi số tiền 11.666.000đ và tài khoản tạm giữ của Thanh tra thành phố; xử lý khác:

+ Xử lý khác: Việc chỉ định thầu, ký hợp đồng, thanh lý, chuyển trả tiền phạt thuốc muối số tiền 174.375.000đ không đúng quy định; yêu cầu UBND phường xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; thu phí sử dụng vỉa hè, lề đường đối với các hộ dân xây dựng, sửa chữa nhà ở theo đúng Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.

+ Về hành chính: Yêu cầu UBND phường kiểm điểm trách nhiệm đối với Chủ tịch UBND và các công chức có liên quan tới những thiếu sót, khuyết điểm được phát hiện qua thanh tra.

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có.

đ) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng: Đã thực hiện luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác đối với 26 viên chức tại các trường MM, TH, THCS.

II. CÔNG TÁC PCTN 9 THÁNG NĂM 2018

1) Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của địa phương, đơn vị

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN:

Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị liên quan (Tur pháp, Đài truyền thanh, ...) phổ biến các văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác PCTN; biên soạn tài liệu, các tin, bài về công tác PCTN, giải quyết KNTC và biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích để tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh, Trang thông tin điện tử của thành phố, Đài PT&TH tỉnh, Báo Bắc Giang.

Tổ chức quán triệt các văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác PCTN, lồng ghép trong các cuộc họp, giao ban của cơ quan, đơn vị để nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong công tác đấu tranh PCTN.

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN: Trong kỳ, đã ban hành 12 văn bản liên quan để chỉ đạo, triển khai thực hiện, cụ thể:

- Ngày 14/11/2017, Ban thường vụ Thành ủy đã phê duyệt danh sách cán bộ, công chức thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập năm 2017.

- Ngày 14/11/2017, Ban Tổ chức Thành ủy có Công văn số 192-CV/BTC về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2017.

- Ngày 01/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố có Công văn số 2466/UBND-TTR về việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập năm 2017.

- Ngày 21/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định số 4733/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2017 và hình thức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.

- Ngày 22/11/2017, Phòng Nội vụ thành phố có Công văn số 127/NV về việc triển khai, tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2017.

- Ngày 06/12/2017, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định số 4806/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2018.

- Ngày 04/01/2018, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND về việc cải cách hành chính nhà nước thành phố Bắc Giang năm 2018.

- Ngày 10/01/2018, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND về kiểm soát TTTC năm 2018.

- Ngày 31/01/2018, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND về tuyên truyền CCHC nhà nước thành phố Bắc Giang năm 2018.

- Ngày 21/01/2018, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND về triển khai thực hiện nhiệm vụ PCTN năm 2018.

- Ngày 11/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 1004/QĐ-UBND về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018.

- Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố về phối hợp triển khai thực hiện thí điểm phần mềm một cửa điện tử liên thông 3 cấp (tỉnh - thành phố - phường, xã) tại thành phố.

c) Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về PCTN:

UBND thành phố đã giao Thanh tra thành phố giúp UBND thành phố quản lý nhà nước về công tác PCTN và thanh tra việc thực hiện các qui định của pháp luật về PCTN theo quy định của pháp luật; tham mưu chỉ đạo, tổ chức thực hiện, theo dõi, công tác PCTN theo phân cấp quản lý, phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Ban Nội chính Tỉnh ủy và Thanh tra tỉnh. Theo biên chế giao chỉ tiêu năm 2018, Thanh tra thành phố có 06 cán bộ, công chức, viên chức (01 Chánh thanh tra; 02 Phó Chánh thanh tra; 03 Thanh tra viên). Công tác PCTN do Chánh Thanh tra thành phố trực tiếp chỉ đạo và phân công 01 đồng chí Phó Chánh Thanh tra tham mưu; 01 Thanh tra viên theo dõi, tổng hợp.

d) Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN:

Đài truyền thanh thành phố đã tuyên truyền 67 lượt các văn bản về PCTN, lãng phí và các văn bản có liên quan trên hệ thống đài truyền thanh thành phố; biên tập 57 tin, bài phản ánh về PCTN; biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích về PCTN, đồng thời phê phán những trường hợp không nghiêm túc thực hiện. Biên tập 52 tin tuyên truyền trong chương trình truyền hình thành phố trên sóng của Đài PT&TH tỉnh và 08 tin, bài trên Báo Bắc Giang. Ngoài ra, đã biên tập 24 tin, bài tuyên truyền về công tác PCTN trên Trang thông tin điện tử của thành phố.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- UBND thành phố đã thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về chương trình, kế hoạch công tác, lịch làm việc của UBND thành phố; công bố công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN; công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tài chính ngân sách, danh mục đầu tư xây dựng, công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ.

- Công khai số điện thoại, đường dây nóng, hòm thư góp ý tại trụ sở làm việc và trên Trang thông tin điện tử của thành phố.

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

- UBND thành phố đã chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tăng cường các biện pháp kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, định mức, chế độ do Nhà nước quy định. Thẩm tra việc quy định quy định chế độ, định mức tiêu chuẩn của các cơ quan, đơn vị; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với các quy định của nhà nước về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

- Tổ chức, thực hiện tốt việc giao chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát biên chế tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố và UBND phường, xã để điều chỉnh, bổ sung dự toán phân bổ NSNN theo đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn tại các đơn vị trực thuộc.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố và UBND phường, xã, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị, định kỳ có công khai kết quả thu, chi tại cơ quan, đơn vị theo quy định.

c) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng: Không có.

d) Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

- Chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thường xuyên đôn đốc và tổ chức thực hiện các quy định về Quy chế văn hóa công sở theo Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 75/2007/QĐ-UBND ngày 30/8/2007 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ.

- UBND thành phố ban hành Quy chế làm việc của UBND thành phố nhiệm kỳ 2016 - 2021. Trên cơ sở quy chế làm việc của UBND thành phố; các cơ quan, đơn vị rà soát, xây dựng, bổ sung quy chế của đơn vị mình cho phù hợp.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ đề năm 2018 “*Nâng cao chất lượng thực chất trật tự và văn minh đô thị*” và Khẩu hiệu hành động 03 hơn “*Chuyên nghiệp hơn - Thân thiện hơn - Hiệu quả hơn*”.

Qua theo dõi, hầu hết các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị đã thực hiện đúng quy tắc ứng xử và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên.

Qua theo dõi, hầu hết các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị đã thực hiện đúng quy tắc ứng xử và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên.

đ) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng:

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ, Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP, kế hoạch của UBND thành phố, trong 9 tháng đầu năm 2018, Đã thực hiện luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác đối với 67 CB, CC, VC (*phòng, ngành thành phố 38; UBND phường, xã: 03; 26 viên chức tại các trường MM, TH, THCS*).

e) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

Các cơ quan, đơn vị thuộc Thành ủy, UBND thành phố, UBND phường, xã và trường học THCS, TH, MN trên địa bàn thành phố đã tổ chức kê khai xong; Ban Tổ chức Thành ủy, phòng Nội vụ thành phố đã kiểm tra tính đầy đủ về nội dung phải kê khai, ký xác nhận Bản kê khai và sao lục gửi lại cơ quan, tổ chức, đơn vị để thực hiện việc công khai theo quy định, cụ thể:

- Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm là 613 người (Khối các Ban Đảng Thành ủy, MTTQ và các đoàn thể thành phố: 243 người; Khối các cơ quan, đơn vị thành phố, UBND phường, xã và các Trường học: 370 người).

- Đã hoàn thành việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2017 là 613/613 đạt 100% .

- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp: 613/613 đạt 100% so với số bản phải công khai.

- Số người yêu cầu giải trình kê khai, nguồn gốc tài sản, thu nhập: Không có

- Số người được xác minh tài sản, thu nhập: Không có

- Số người đã có kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập: Không có

- Số người đã có kết luận không trung thực trong minh bạch TSTN: Không có

f) Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Không có.

g) Việc thực hiện cải cách hành chính:

- Tổ chức rà soát vị trí việc làm tại các cơ quan chuyên môn thành phố theo Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thành phố Bắc Giang; xây dựng kế hoạch thực hiện sát thực tế, yêu cầu nhiệm vụ và đảm bảo đúng quy định trong giai đoạn 2018-2021.

- Công tác cải cách hành chính luôn được thành phố quan tâm, chỉ đạo sát sao, coi đây là một trong các nhiệm vụ trọng tâm hàng năm. Duy trì thường xuyên, có hiệu quả trong hoạt động của bộ phận "Một cửa" của thành phố và "Một cửa liên thông" giữa thành phố với 16 phường, xã để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đảm bảo thời hạn trả đúng và trước thời gian theo quy định. Cùng đó, công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện CCHC được thành phố quan tâm chỉ đạo sát sao. Qua kiểm tra thực hiện CCHC và quy chế văn hóa công sở, kỷ cương, kỷ luật của cán bộ công chức, viên chức và người lao động tại các phòng, ngành thành phố và phường, xã, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, hạn chế, tạo chuyển biến lớn trong công tác quản lý, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức thực hiện chủ đề năm 2018 “*Nâng cao chất lượng thực chất trật tự và văn minh đô thị*” gắn với Khẩu hiệu hành động “*Chuyên nghiệp hơn - Thân thiện hơn - Hiệu quả hơn*”.

h) Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- Hiện tại, 100% các cơ quan, đơn vị của thành phố và các phường, xã đã tổ chức thực hiện Hệ thống ISO mới (9001-2015) đáp ứng yêu cầu việc gửi, nhận văn bản điện tử; chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ; tra cứu các văn bản pháp luật Duy trì, thực hiện tốt việc tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của thành phố và phường, xã; các thủ tục hành chính được công khai trên Trang thông tin điện tử của thành phố.

- Tổ chức triển khai thực hiện thí điểm phần mềm một cửa điện tử liên thông 3 cấp (tỉnh - thành phố - phường, xã) tại thành phố theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố.

i) Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:

Hiện tại, 100% các cơ quan, đơn vị, UBND phường, xã đã thực hiện thanh toán, trả lương qua tài khoản tại ngân hàng.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Không có.

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra (KTXH):

- Theo kế hoạch thanh tra năm có 05 cuộc.

- Trong kỳ, đã triển khai 04 cuộc, kết quả cụ thể:

* Đã ban hành kết luận 03 cuộc thanh tra, đang thanh tra 01 cuộc.

- Qua thanh tra đã kiến nghị xử lý vi phạm:

+ Về kinh tế: 1.584.000.000.000đ, trong đó: Thu hồi 102.000.000đ; xử lý khác 1.482.000.000đ do vi phạm trong chi tiêu tài chính (*lập dự toán chưa sát, không đảm bảo thủ tục đầu tư sửa chữa cải tạo công trình, cấp kinh phí TLP chậm, chi thiếu chứng từ, chứng từ chưa đảm bảo, sử dụng từ khoản thu này sang khoản thu khác...*).

+ Về hành chính: 28 cá nhân và 01 tập thể.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Xử lý khác 1.482.000.000đ/1.482.000.000đ phải xử lý; xử lý hành chính kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 22 cá nhân và 01 tập thể có liên quan đến các khuyết điểm, sai phạm.

* Đang tiến hành thanh tra 01 cuộc thanh tra công tác đầu tư xây dựng do UBND các phường: Lê Lợi và Trần Phú làm chủ đầu tư.

c) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có.

d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của địa phương, đơn vị: Đã khởi tố 01 vụ tại thôn Song Khê, xã Song Khê.

đ) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không có.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch 03 cuộc; số cuộc thanh tra đã được thanh tra theo kế hoạch: 02 cuộc/02 đơn vị.

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra: 02 cuộc.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra: Qua thanh tra, đã xử lý như sau:

- Về kinh tế: 23.639.998đ (Thu hồi nộp NSNN: 19.158.000đ; giảm trừ giá trị quyết toán số tiền 4.481.998đ.

- Về hành chính: Kiểm điểm trách nhiệm đối với 08 cá nhân có liên quan.

- Xử lý khác: Việc chỉ định thầu, ký hợp đồng, thanh lý, chuyển trả tiền phạt thuế muối số tiền 174.375.000đ không đúng quy định; yêu cầu UBND phường xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; thu phí sử dụng vỉa hè, lề đường đối với các hộ dân xây dựng, sửa chữa nhà ở theo đúng Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.

** Kết quả thực hiện:*

- Đã thực hiện xong: 01 Kết luận

+ Về kinh tế: Thu hồi nộp NSNN: 7.492.000đ; giảm trừ giá trị quyết toán số tiền 4.481.998đ

+ Về hành chính: Kiểm điểm trách nhiệm đối với 04 cá nhân có liên quan

- Đang thực hiện: 01 Kết luận thanh tra.

5. Phát huy vai trò của xã hội về PCTN

- Ủy ban MTTQ và các tổ chức thành viên tiếp tục thực hiện tuyên truyền phổ biến các quy định về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về PCTN trong nhân dân, tạo đồng thuận trong nhân dân về PCTN. Triển khai quán triệt và thực hiện Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cán bộ, đảng viên, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo trí, ngôn luận và nhân dân trong việc tham gia vào công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện công tác PCTN; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân và các tổ chức chủ động phối hợp giải quyết những vấn đề bức xúc; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết, xử lý trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân, góp phần quan trọng trong việc phát hiện ra các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, ổn định tình hình cơ sở; đóng góp ý kiến với Đảng, Nhà nước về những vấn đề có liên quan đến chủ trương, chính sách, pháp luật ...; cũng như phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản quy định về PCTN đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn thành phố.

- Tiếp tục thực hiện giai đoạn 3 của Chiến lược Quốc gia về PCTN (Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 15/10/2009); trong đó, tập trung vào các nhóm giải pháp: Công khai minh bạch hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện các chế độ, tiêu chuẩn, định mức; minh bạch tài sản, thu nhập; xây dựng và thực hiện Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp; chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác PCTN; đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý; tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đối với những người thường xuyên tiếp xúc, giải quyết các thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân; nâng cao năng lực phát hiện xử lý các hành vi tham nhũng. Tập trung xử lý những vụ việc tham nhũng nổi cộm, gây bức xúc trong nhân dân và rà soát những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 04/5/2013 của UBND thành phố về việc thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN”; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 02/3/2012 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Đề án tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN, Công ước LHQ về PCTN trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân thành phố Bắc Giang; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 06/3/2013 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 18/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1130/KH-TTCTP ngày 10/5/2012 của Thanh tra Chính phủ về tăng cường công tác tiếp dân, giải quyết KNTC; Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND thành phố về việc ban hành Đề án nâng cao chất lượng công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đề nghị của công dân giai đoạn 2016 - 2020.

7. Kết quả thực hiện, những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong việc tổ chức thực hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác đối với CB, CC, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng (quy định tại Chương II của Nghị định số 59/2013/NĐ-CP của Chính phủ): Không có.

8. Kết quả thực hiện, những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong việc tổ chức thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao (Nghị định số 90/2012/NĐ-CP của Chính phủ): Không có.

D. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG KỲ TIẾP THEO

I. CÔNG TÁC THANH TRA

1. Ưu điểm

- Các nhiệm vụ công tác thanh tra được Thanh tra thành phố triển khai thực hiện đảm bảo thời gian, tiến độ theo Kế hoạch công tác năm được Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt.

- Công tác thanh tra hành chính được thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, qua thanh tra đã kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, sửa chữa các sai phạm trong quá trình quản lý; cơ bản các kiến nghị qua thanh tra được các đơn vị, cá nhân có liên quan triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc.

2. Khuyết điểm và nguyên nhân:

- Chưa bố trí khoa học, hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ mới phát sinh; nhất là khi phải tập trung đồng thời nhiều nhiệm vụ theo kế hoạch và đột xuất; các cán bộ, công chức cùng một thời điểm tham gia nhiều Đoàn thanh tra, Tổ công tác, Tổ kiểm tra,... khác nhau nên có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện công tác thanh tra và kết quả đạt được chưa cao.

- Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra còn bị động và chưa có nhiều biện pháp hiệu quả để thúc đẩy việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

3. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG KỲ TIẾP THEO

- Căn cứ tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch công tác thanh tra năm 2019 theo định hướng, hướng dẫn của Thanh tra tỉnh; chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các cuộc thanh tra theo kế hoạch được phê duyệt và các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu.

- Thực hiện nghiêm túc về chế độ báo cáo công tác thanh tra theo quy định.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để kịp thời thực hiện nhiệm vụ đột xuất khi có yêu cầu của Thanh tra tỉnh hoặc chỉ đạo của Thành uỷ, UBND thành phố Bắc Giang.

- Tiếp tục đôn đốc Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan trong thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành.

II. ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Đánh giá

a) Nguyên nhân dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo:

Do thành phố tập trung cao với nhiều biện pháp quyết liệt để tăng cường các biện pháp quản lý đất đai và trật tự đô thị; đẩy nhanh tiến độ bồi thường GPMB các dự án phát triển đô thị, cấp Giấy CNQSD đất.

b) Đánh giá ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo:

* Ưu điểm:

- Công tác tiếp dân đã được Chủ tịch UBND thành phố và các phường, xã tổ chức thực hiện chu đáo, các ý kiến phản ánh, đề nghị, KNTC của công dân đều được Đại biểu tiếp dân tiếp thu, xử lý đúng quy định. Sau các phiên tiếp dân có Thông báo kết quả tiếp dân và chỉ đạo các đơn vị thành phố, UBND các phường, xã giải quyết.

- UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài và mới phát sinh; Thủ trưởng các phòng, ngành, đơn vị thành phố, Chủ

tịch UBND các phường, xã đã chủ động, tích cực giải quyết đơn KNTC, ĐN của công dân nên số lượng đơn thư tiếp nhận, phải giải quyết ở cấp thành phố giảm so với cùng kỳ; tỷ lệ giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền đạt khá, chất lượng giải quyết được nâng lên: thực hiện nghiêm túc qui trình giải quyết, không để xảy ra “điểm nóng”.

- Hầu hết các đơn vị đã xác định được trách nhiệm của mình trong công tác giải quyết KNTC, ĐN của công dân, thực hiện các quyết định giải quyết KNTC đã có hiệu lực pháp luật và coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong năm 2017.

* Hạn chế:

- Việc xem xét giải quyết và tham mưu Chủ tịch UBND thành phố giải quyết đơn thư KNTC, thực hiện quyết định, kết luận có đơn vị còn để quá thời hạn theo quy định; chất lượng giải quyết có vụ việc còn hạn chế

- Công tác phối hợp trong quá trình giải quyết một số vụ việc giữa các phòng, ngành liên quan và phường, xã có vụ việc còn chưa tốt.

c) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

* Ưu điểm:

- Việc rà soát, chỉnh sửa, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo; việc ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện: Thành phố đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo xây dựng các văn bản (Quyết định, Kế hoạch, Công văn), kịp thời và đầy đủ các nội dung đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chung của thành phố.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức và nhân dân thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo: Hằng năm, Chủ tịch UBND thành phố đã chỉ đạo Thanh tra thành phố xây dựng Kế hoạch công tác thanh tra trong đó có nội dung tuyên truyền; tiến hành thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo đối với thủ trưởng phòng, đơn vị thành phố, Chủ tịch UBND các phường, xã.

* Hạn chế:

Quá trình triển khai văn bản chỉ đạo của Thành phố trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực khiếu nại, tố cáo, có đơn vị còn chưa thấy hết trách nhiệm của mình; một số cán bộ đã được hướng dẫn, tập huấn pháp luật về khiếu nại, tố cáo nhưng về áp dụng tại cơ quan, đơn vị mình còn hạn chế.

d) Đánh giá vai trò của cơ quan Thanh tra trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nội dung khác có liên quan:

Với vai trò là cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Thanh tra thành phố đã tham mưu Thành ủy, UBND thành phố làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thường xuyên phối hợp với các phòng, ngành thành phố (phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp thành phố,..) để tham mưu giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo, đặc biệt là các vụ việc phức tạp, qua đó đã góp phần nâng cao

số lượng, chất lượng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội của thành phố Bắc Giang.

đ) Nguyên nhân những ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm và kinh nghiệm rút ra qua tổ chức, chỉ đạo và thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

* Nguyên nhân ưu điểm:

- Thường trực Thành uỷ, HĐND thành phố thường xuyên quan tâm chỉ đạo đối với công tác giải quyết đơn thư KNTC; thực hiện các Quyết định, Kết luận giải quyết KNTC đã có hiệu lực pháp luật. Thường trực UBND thành phố quan tâm, nắm chắc tình hình giải quyết của các đơn vị để đôn đốc, chỉ đạo giải quyết kịp thời, đặc biệt đối với các vụ việc phức tạp nổi cộm.

- Cơ quan giúp UBND thành phố quản lý nhà nước về công tác giải quyết KNTC đã có nhiều biện pháp tích cực trong tham mưu xử lý, đôn đốc giải quyết, hỗ trợ về nghiệp vụ cho các đơn vị.

- Trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm của cán bộ được giao tham mưu giải quyết đơn của công dân được nâng lên, góp phần nâng cao chất lượng, tỷ lệ giải quyết, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Uỷ ban MTTQ và các Đoàn thể nhân dân đã tích cực phối hợp với chính quyền các cấp trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, công tác tiếp dân và công tác hoà giải ở cơ sở qua đó đã góp phần giải quyết nhiều vụ việc phức tạp và hạn chế phát sinh đơn thư KNTC ngay từ cơ sở.

* Nguyên nhân hạn chế:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Một số vụ việc có diễn biến phức tạp, xảy ra ở nhiều thời kỳ khác nhau, công tác quản lý đất đai trước đây còn buông lỏng; việc lưu trữ hồ sơ không đầy đủ gây khó khăn cho công tác xem xét giải quyết.

+ Số lượng đơn thư KNTC, ĐN của công dân trong kỳ phát sinh nhiều và cơ bản tập trung vào lĩnh vực đất đai và bồi thường GPMB trong khi đó số lượng cán bộ của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố chưa đáp được yêu cầu thực tế, ngoài ra còn phải tập trung cao thực hiện nhiều nhiệm vụ trọng tâm khác như: GPMB, cấp GCN QSDĐ... nên đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ công tác giải quyết đơn KNTC.

+ Một số công dân lợi dụng quyền dân chủ cố tình KNTC kéo dài và có những đòi hỏi không đúng quy định của pháp luật; có phần tử xấu, cơ hội lôi kéo, xúi giục công dân khiếu kiện trái pháp luật nhằm trục lợi.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số vụ việc, đơn vị được giao nhiệm vụ xem xét, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố giải quyết đơn của công dân còn chậm; vụ việc có tính phức tạp, chưa chủ động nghiên cứu kỹ hồ sơ, phối hợp với các phòng, ngành liên quan để đề xuất, tham mưu giải quyết dứt điểm.

+ Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ, công chức trong tham mưu, thực hiện bồi thường GPMB, cấp GCNQSDĐ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, đề nghị của công dân còn hạn chế dẫn đến đơn thư của công dân phát sinh trên địa bàn.

+ Công tác phối hợp giữa các đơn vị trong giải quyết một số vụ việc còn chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

2. Dự báo: Tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân trong kỳ tiếp theo vẫn tiềm ẩn phức tạp như: Tại Dự án xây dựng HTKT cạnh đường Giáp Hải và cạnh các khu dân cư tại phường Xương Giang.

xây mới chợ Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang.

3. Phương hướng nhiệm vụ trong kỳ tiếp theo

- Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 39-CTr/TU ngày 26/5/2008 của Tỉnh ủy về thực hiện Thông báo Kết luận số 130-TB/TW ngày 10/01/2008 của Bộ Chính trị về tình hình và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới; Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Đề án nâng cao chất lượng công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đề nghị của công dân giai đoạn 2016 – 2020.

- Làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở; chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ việc mới phát sinh. Các phường, xã tiềm ẩn vụ việc khiếu kiện đông người như: Dĩnh Kế, Tân Mỹ, Xương Giang phải tập trung cao giải quyết đơn thư của công dân, không để công dân bức xúc tập trung đông người lên thành phố, tỉnh, trung ương khiếu kiện.

- Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thanh tra thành phố tổng hợp các vụ việc giải quyết quá thời hạn, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố trừ điểm thi đua cuối năm đối với người đứng đầu đơn vị, thủ trưởng phòng, ngành thành phố, Chủ tịch UBND các phường, xã được giao tham mưu giải quyết KNTC, đề nghị của công dân nhưng phải đôn đốc giải quyết bằng văn bản

- Chấn chỉnh, tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực đất đai, bồi thường GPMB, chính sách xã hội; giải quyết kịp thời các quyền lợi chính đáng của người dân. Xử lý nghiêm các trường hợp thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện công tác tiếp dân, giải quyết KNTC; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch công tác năm 2017. Cụ thể: Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, đề nghị của công dân và thực hiện các Quyết định, Kết luận qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật đạt trên 92%.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PCTN VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

- Nhìn chung, UBND thành phố đã chủ động trong việc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt pháp luật về PCTN, lãng phí; triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định để phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, các dấu hiệu vi phạm được xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về PCTN, lãng phí. Qua đó, tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, đảng viên và nhân dân.

- Việc rà soát, bổ sung, xây dựng các quy định để thực hiện phòng ngừa tham nhũng, lãng phí được coi trọng; công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh; công tác phòng ngừa được phát huy, giúp ngăn chặn các hành vi tham nhũng phát sinh, gắn với thực hiện các biện pháp THPT, CLP; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, tham mưu HĐND, UBND thành phố đề nghị, ban hành sửa đổi, bổ sung một số định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu ở địa phương. Đến nay, toàn thành phố chưa phát hiện vụ việc tham nhũng; một số sai phạm về quản lý phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn và xử lý.

2. Đánh giá công tác PCTN

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Thành ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ thành phố và sự hưởng ứng, tham gia tích cực của các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn, công tác PCTN trên địa bàn có sự chuyển biến tích cực.

- Các cơ quan, đơn vị thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, học tập các văn bản quy phạm về PCTN và ngăn ngừa tình trạng tiêu cực đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trên địa bàn. Qua đó, nâng cao ý thức trách nhiệm và cụ thể hóa các nhiệm vụ, biện pháp phòng ngừa, chống tham nhũng, nhằm tạo chuyển biến tích cực, thống nhất trong nhận thức và hành động trong công tác PCTN.

- Trong kỳ, tình hình tham nhũng trên địa bàn không xảy ra; cán bộ, công chức, viên chức trên toàn thành phố đều nhiệt tình, tận tâm với công việc; ý thức tổ chức kỷ luật cao, chưa phát hiện các hành vi gây khó khăn, nhúng nhĩnh, tiêu cực nhằm mục đích trục lợi cá nhân.

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố đã triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng như: Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác PCTN; xây dựng định mức chi tiêu nội bộ; công khai minh bạch; chuyển đổi vị trí công tác; xây dựng quy tắc ứng xử; xác định trách nhiệm người đứng đầu; kê khai tài sản và minh bạch tài sản thu nhập; cải cách thủ tục hành chính; tuyển dụng cán bộ công chức,.... Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được chú trọng chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ; nhằm hạn chế không phát sinh tiêu cực, từng bước phát huy, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa phát huy đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong công tác PCTN; chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để phòng ngừa; chưa coi trọng công tác tự kiểm tra nội bộ đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN để phòng ngừa và phát hiện tham nhũng.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

UBND thành phố tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc và xử lý kịp thời các sự việc nổi cộm, đẩy mạnh các biện pháp chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, nên dự báo trong thời gian tới tình hình tham nhũng trên địa bàn thành phố được kìm chế và giảm dần.

4. Phương hướng nhiệm vụ trong kỳ tiếp theo

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định về PCTN, lãng phí; gắn với tuyên truyền thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ, các quy định của Nhà nước và văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh và thành phố về công tác PCTN, lãng phí trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc PCTN, lãng phí tại các cơ quan, đơn vị; chú trọng thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, trong đó chú trọng việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn; công khai minh bạch; quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh THTK, CLP trong một số lĩnh vực trọng tâm như: đầu tư xây dựng, quản lý thu, chi ngân sách, quản lý tài sản công và sử dụng lao động.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý về tổ chức, biên chế: về quản lý, sử dụng ngân sách, vốn, tài nguyên, môi trường và tài sản Nhà nước; nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu và xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và chế độ trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong quản lý sử dụng NSNN. Thực hiện hoàn thành các mục tiêu, các chính sách và biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã ban hành.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ, nâng cao vai trò giám sát của các tổ chức, đoàn thể trong công tác PCTN, lãng phí và định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC; tổ chức thực hiện phân mềm một cửa điện tử liên thông 3 cấp (tỉnh - thành phố - phường, xã) tại thành phố; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Khẩu hiệu hành động 03 hơn.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị qua thanh tra, kiểm tra nhằm nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm và chấn chỉnh công tác quản lý; thu hồi tài sản của nhà nước bị thất thoát, tham nhũng.

- Thanh tra thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các quy định về PCTN, lãng phí; khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN trên địa bàn thành phố.

Trên đây là Kết quả công tác thanh tra, giải quyết KNTC và PCTN trong Quý III và 09 tháng năm 2018; nhiệm vụ, biện pháp thực hiện Quý IV năm 2018. Chủ tịch UBND thành phố trân trọng báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Thanh tra tỉnh (để b/c);
- Thanh tra TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Sơn

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XDCB
Quý III và 9 tháng năm 2018

Ký báo cáo	Số cuộc thanh tra							Số đ. vi được tra	Số đ. vi có vi phạm	Tổng vi phạm		Kiến nghị thu hồi		Kiến nghị khác		Kiến nghị xử lý				Đã thu		K.tra. đơn độc việc thi hành KL t.tra. quyết định xử lý về t.tra								Ghi chú	
	Tổng số	Đang thực hiện		Hình thức		Tiến độ				Tiền (hoặc tài sản quy thành tiền)	Đất (m2)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m2)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m2)	Hành chính		Chuyên CQĐT		Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã k.tra, đơn độc	Kết quả kiểm tra, đơn độc								
		Kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ BC	Theo NH	Đội xuất	Kết thúc t.tra trực tiếp	Đã ban hành KL									Tổ chức	Cử nhân	Vụ	Đối tượng				Tiền (1.đ)		Đất (m2)		Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
																							Phạt thu	Đã thu	Phạt thu	Đã thu	Tổ chức	Cá nhân	Vụ		Đối tượng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
UBND các p. Lê Lợi và Trần Phú	1		1	1			2																								
Cộng Q.3	1	0	1	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
UBND các p. Lê Lợi và Trần Phú	1		1	1			2																								
Cộng 9T 2018	1	0	1	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PHÒNG THẨM TRƯỞNG TÀI CHÍNH
H. PHÒ BẮC GIANG

Biểu số 1c

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH
Quý III và 9 tháng 2018

ĐVT: Tiền (tr.đ)

Kỳ báo cáo	Số cuộc thanh tra							Số đ. vị được t.tra	Số đơn vị có vi phạm	Số tiền vi phạm	Số tiền kiến nghị thu hồi	Kiến nghị khác (tiền)	Kiến nghị xử lý				Số tiền đã thu	K.tra, đơn đốc việc t. hiện KL t.tra, quyết định xử lý về t.tra						Ghi chú		
	Tổng số	Đang t. hiện		Hình thức		Tiến độ							Hành chính		Chuyển CQĐT			Kết quả kiểm tra, đơn đốc								
		Kỳ trước chuyên sang	Triển khai trong kỳ BC	Theo KH	Đột xuất	Kết thúc t.tra trực tiếp	Đã ban hành KL						Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		Tiền		Đã xử lý HC		Đã khởi tố				
																		Phải thu	Đã thu	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
T.tra tài chính BQL ĐTXD số 1, số 2	1		1	1			1	2	2	232	102	130		6												
T.tra TLP 5 HTX Cộng Q.3	1		1	1			1	5	5	811		811		10												
T.tra 6 trường học	2	0	2	2	0	0	2	7	7	1043	102	941	0	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
T.tra tài chính BQL ĐTXD số 1, số 2	1		1	1			1	6	6	541		541	1	12						1	12					
T.tra TLP 5 HTX Cộng 9T 2018	1		1	1			1	5	5	811		811		10								10				
Cộng 9T 2018	3	0	3	3	0	0	3	13	13	1584	102	1482	1	28	0	0	0	0	0	0	1	22	0	0	0	0

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO DÕI, KIỂM TRA ĐƠN ĐỐC CÁC KẾT LUẬN THANH TRA.
Quý III và 9 tháng năm 2018

TT	Số KL t.tra	Ngày tháng ban hành KL	Tổng số		Điều nghị xử lý								Kết quả thực hiện KL t.tra								Còn phải theo dõi đơn đốc				Ghi chú		
			Tiền (tài sản quy thành tiền)	Đất (m ²)	Thu hồi		Khác		HC		Chuyên CQĐT		Đã thu		Xử lý khác		Xử lý HC		Đã khởi tố		Xử lý thu hồi		Xử lý HC				
					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
I Các KL trước năm 2018																											
1	44	29/6	23		23																	23				QLĐĐXG, T.Phú, D.Tri	
2	45		4		4																	4					
3	80	16/10								24									24							6 trường học	
4	81									2										2							
5	82										33									33							
6	83										2									2							
7	84										2									2							
8	85										2									2							
Cộng I: 08			27	0	27	0	0	0	0	65	0	0	0	0	0	0	0	65	0	0	27	0	0	0			
II Các KL PS trong Q.III và 9 tháng 2018																											
1	17	21/2	111							2									111							6 trường học	
2	18		22							1	2								22		1	2					
3	19		162								2								162			2					
4	20		56								2								56			2					
5	21		61								2								61			2					
6	22		131								2								131			2					
7	48	15/6	100		100					3																Ban 2	
8	49		132		2		130				3								a							Ban 1	
9	50	12/7	811			811				10								811			10				5 HTX		
Cộng II: 9			1586	0	102	0	1484	0	1	28	0	0	0	0	1354	0	1	22	0	0	0	0	0	0			
Cộng (I+II)			1613	0	129	0	1484	0	1	93	0	0	0	0	1354	0	1	87	0	0	27	0	0	0			



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Biểu số 1a

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Kèm theo Báo cáo số 351 /BC-UBND ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	9 THÁNG
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT					
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	10	1	1	12
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản				
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN					
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người				
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp				
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu				
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG					
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>					
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV				
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV				
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>					
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản				
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản				
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc				
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ				
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người				
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người				
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người				
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng				
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng				

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	9 THÁNG
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người				
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng				
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>					
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV				
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người				
21	Số cán bộ, CC, VC được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người		41	26	67
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>					
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người				
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người				
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>					
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người				
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người				
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người				
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>					
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV		16		16
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%		100		100
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG					
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>					
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ				
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người				
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>					
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ				
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người				
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>					
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn				
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn				
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ				
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người				
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>					
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ				

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	9 THÁNG
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người		2		2
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG					
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>)	Vụ				
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>)	Người				
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người				
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người				
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người				
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người				
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ				
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người				
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ				
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người				
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.					
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng				
50	+ Đất đai	m ²				
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường					
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng				
52	+ Đất đai	m ²				
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được					
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng				
54	+ Đất đai	m ²				
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng					
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người				
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người				
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ					
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương					
	+ Tặng Giấy khen					

Lưu ý:

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	9 THÁNG
----	----------	---------	-------	--------	---------	---------

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.

- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn.

- Không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu

TP. Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2018

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)



Biểu số 1b

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
(Kèm theo Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xây ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc
1				
2				
3				
...				

TP. Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)



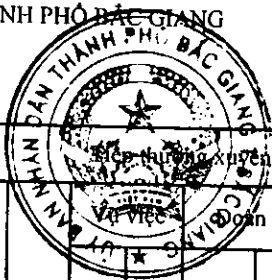
BIỂU TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC QUÝ III VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố)

Số TT	Tên đơn vị trực thuộc (*)	Phân thống kê, rà soát			Kết quả thực hiện				Ghi chú
		Số CBCC đến thời hạn phải chuyển đổi	Số CBCC tạm thời chưa chuyển đổi theo quy định	Số CBCC phải thực hiện chuyển đổi	Số CBCC dự kiến chuyển đổi năm 2018 (theo K.hoạch)	Số CBCC đã chuyển đổi 6 tháng đầu năm	Số CBCC đã chuyển đổi quý III năm 2018	Số CBCC đã chuyển đổi 9 tháng đầu năm	
I	Cơ quan, đơn vị	52	6	50	49	38	0	38	
1	Nội vụ	2	1	2	1	1		1	Thực hiện theo Kế hoạch số 120/KH-UBND, ngày 20/10/2014
2	Tài chính - KH	5	0	5	5	2		2	
3	Quản lý đô thị	5	1	5	5	5		5	
4	Tài nguyên và MT	3	2	3	3	3		3	
5	Lao động TBXH	5	2	3	3	2		2	
6	Thanh tra	3	0	3	3	0		0	
7	Tư pháp	1	0	1	1	0		0	
8	Ban QLDA 1	5	0	5	5	5		5	
9	Ban QLDA 2	4	0	4	4	4		4	
10	TTPTQB&CCN	7	0	7	7	4		4	
11	Đội QLTTGTXD	12	0	12	12	12		12	
II	PHƯỜNG, XÃ	87	0	87	41	3	0	3	
1	Trần Phú	6		6	3				Các chức danh Tài chính KH, Địa chính - XD, Tư pháp HT, Văn hóa và hội xã
2	Ngô Quyền	6		6	3				
3	Lê Lợi	6		6	3				
4	Hoàng Văn Thụ	7		7	3	1		1	
5	Thọ Xương	5		5	2				
6	Mỹ Độ	5		5	2				
7	Trần Nguyên Hãn	5		5	2				
8	Xương Giang	5		5	2				

Số TT	Tên đơn vị trực thuộc (*)	Phân thống kê, rà soát			Kết quả thực hiện			Số CBCC đã chuyển đổi 9 tháng đầu năm	Ghi chú
		Số CBCC đến thời hạn phải chuyển đổi	Số CBCC tạm thời chưa chuyển đổi theo quy định	Số CBCC phải thực hiện chuyển đổi	Số CBCC dự kiến chuyển đổi năm 2018 (theo K.hoạch)	Số CBCC đã chuyển đổi 6 tháng đầu năm	Số CBCC đã chuyển đổi quý III năm 2018		
9	Dĩnh Kế	6		6	3				Áp dụng cơ chế, dự kiến chuyển đổi 01 vị trí, để lại 1 vị trí thực hiện
10	Đa Mai	6		6	3	1		1	
11	Song Mai	6		6	3	1		1	
12	Đồng Sơn	4		4	2				
13	Dĩnh Trì	5		5	2				
14	Tân Mỹ	6		6	3				
15	Tân Tiến	4		4	2				
16	Song Khê	5		5	3				
III	Các trường học	50	24	26	26	0	26	26	
1	Bậc Mầm non	17	11	6	6		6	6	Đang thực hiện theo KH số 58/KH-
2	Bậc Tiểu học	16	6	10	10		10	10	
3	Bậc THCS	17	7	10	10		10	10	
Tổng cộng		189	30	163	116	41	26	67	

(*) Áp dụng đối với UBND các huyện, thành phố và các Sở, ngành có các trung tâm, chi cục trực thuộc (có con dấu và tài khoản riêng)



TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN

(số liệu tính trong quý III và 9 tháng 2018)

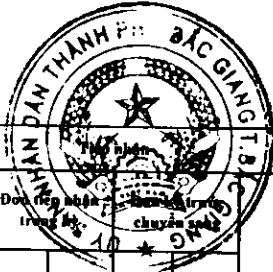
Cấp, đơn vị/Kỳ báo cáo	Tiếp định kỳ và đột xuất của Lãnh đạo								Nội dung tiếp công dân (số vụ việc)															Kết quả qua tiếp dân (số vụ việc)				Ghi chú		
	Đoàn đông người								Khiếu nại															Đã được giải quyết						
	Lượt	Người	Cũ	Mới phát sinh	Số đoàn	Người	Vụ việc		Lượt	Người	Cũ	Mới phát sinh	Số đoàn	Người	Vụ việc			Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực CT, V H, XH khác	Lĩnh vực hành chính	Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	Phản ánh, kiến nghị, khác	Chưa được giải quyết	Đã được giải quyết					
							Cũ	Mới phát sinh							Về tranh chấp, đòi đất cũ, đền bù, giải tỏa...	Về chính sách	Về nhà, tài sản								Về chế độ CC, V C	Chưa có QĐ giải quyết	Đã có QĐ giải quyết (lần 1, 2, cuối cùng)		Đã có bản án của Tòa	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
TP																														
Quý III	0	0	0	0	0	0	0	6	98	45	19	1	5	0	1	9	0	0	0	0	0	2	0	0	53	19	37	6	2	
09 Tháng	0	0	0	0	0	0	0	18	246	206	43	2	11	1	1	30	0	0	0	0	0	4	0	0	190	43	198	6	2	
P, X																														
Quý III	0	0	0	0	0	0	0	192	35	22	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	35	13	22	0	0	
09 Tháng	0	0	0	0	0	0	0	576	73	50	23	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	108	23	50	0	0	
Σ Quý III	0	0	0	0	0	0	0	198	133	67	32	1	5	0	1	9	0	0	0	0	0	0	0	0	108	23	50	0	0	
Σ 09 tháng	0	0	0	0	0	0	0	594	319	256	66	2	11	1	1	30	0	0	0	0	0	0	4	0	0	298	66	248	6	2

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2018

Lưu ý:

- Số liệu đã thống kê ở các cột từ cột 1 đến cột 8 thì không thống kê lại vào các cột từ cột 9 đến cột 16
- Tổng số vụ việc phát sinh trong kỳ = Số liệu các cột 3+4+11+12 = Tổng số liệu các cột từ 17 đến 26 = Tổng số liệu các cột từ 27 đến 30
- Số vụ việc khiếu nại = Tổng số liệu các cột từ 17 đến 22
- Số vụ việc tố cáo = Tổng số liệu các cột từ 23 đến 25
- Các huyện, TP: số liệu báo cáo phải tách riêng theo cấp huyện, cấp xã

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO QUÝ III VÀ 9 THÁNG



Đơn vị	Tổng số đơn	Phân loại đơn khiếu nại, tố cáo (số đơn)																				Đơn khác (trùng lập, đơn nặc danh, không rõ nội dung)	Kết quả xử lý đơn khiếu nại, tố cáo										
		Theo nội dung																			Theo thẩm quyền giải quyết			Theo trình tự giải quyết			Đơn thuộc thẩm quyền						
		Khiếu nại											Tố cáo								Đơn kiến nghị phản ánh		Số văn bản hướng dẫn	Số đơn chuyển cơ quan có thẩm quyền	Số công văn đơn đốc việc giải quyết	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh					
		Lĩnh vực hành chính					Lĩnh vực tư pháp	về Đảng	Tổng	Lĩnh vực hành chính			Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	về Đảng	Lĩnh vực khác	Đơn kiến nghị phản ánh	Cơ quan hành chính các cấp	Cơ quan tư pháp các cấp	Cơ quan Đảng									Chưa được giải quyết	Đã được giải quyết lần đầu	Đã được giải quyết nhiều lần		
		Tổng	Liên quan đến đất đai	Về nhà, tài sản	Về chính sách, chế độ CC,VC	Lĩnh vực CT, VH, XH khác				Tổng	Lĩnh vực hành chính	Lĩnh vực tư pháp																				Tham nhũng	về Đảng
Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn đủ điều kiện xử lý	7-8+9+10+11	8	9	10	11	12	13	14-15+16+17+18+19	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33		
MS	1-2+3+4+5	2	3	4	5	6	7-8+9+10+11	8	9	10	11	12	13	14-15+16+17+18+19	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
TP																																	
QH	172	0	172	0	0	133	8	8	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	124	129	3	1	101	24	8	39	13	54	6	8	1	51
PT	411	0	411	0	0	330	37	37	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	290	321	6	3	254	64	12	81	36	121	15	37	3	156
P, X																																	
QH	71	0	71	0	0	71	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	71	71	0	0	71	0	0	0	0	0	0	0	0	71
PT	205	0	205	0	0	205	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	205	205	0	0	205	0	0	0	0	0	0	0	0	205
Σ Quý III	243	0	243	0	0	204	8	8	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	195	200	3	1	172	24	8	39	13	54	6	8	1	122
Σ 09 tháng	616	0	616	0	0	535	37	37	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	495	526	6	3	459	64	12	81	36	121	15	37	3	361

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2018

Lưu ý:

- Cột (6) đủ điều kiện xử lý là loại đơn không trùng lập, có danh và rõ nội dung, địa chỉ
- Cột "Đơn vị" đề các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO QUÝ III VÀ 9 THÁNG




Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền						Kết quả giải quyết										Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định		Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo								Ghi chú						
	Tổng số đơn tố cáo	Trong đó: Đã giải quyết					Phân tích kết quả (vụ việc)			Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho công dân		Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố			Tổng số quyết định phải tố chức thực hiện trong kỳ báo cáo	Đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho công dân								
		Đơn nhận trong kỳ báo cáo	Đơn tồn tại trước chuyển sang	Tổng số vụ việc	Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	Tố cáo đúng	Tố cáo sai	Tố cáo đúng một phần	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Số người được bảo vệ quyền lợi	Tổng số người	Số người đã bị xử lý	Số vụ	Số đối tượng			Kết quả		Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn	Số vụ việc giải quyết quá thời hạn	Phải thu			Đã thu		Phải trả		Đã trả	
																					Số vụ đã khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố			Tiền (Trđ)	Đất (m2)		Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
TP																																	
Q III	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9T	3	2	1	3	2	2	0	0	2	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	2	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
P, X																																	
Q III	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9T	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Σ Quý III	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Σ 09 tháng	3	2	1	3	2	2	0	0	2	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	2	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2018

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, ĐỀ NGHỊ QUÝ III VÀ 9 THÁNG



Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn thuộc thẩm quyền			Đã giải quyết		Ghi chú
		Trong đó			Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	
		Đơn trong kỳ báo cáo	Đơn tồn kỳ trước chuyển sang	Tổng số vụ việc			
1=2=3	2	3	4	5	6	7	
TP							
Q III	51	34	17	51	29	29	
9 T	156	135	21	156	132	132	
P, X							
Q III	71	54	17	71	48	48	
9 T	205	186	19	205	186	186	
ΣQuý III	122	88	34	122	77	77	
Σ 09 tháng	361	321	40	361	318	318	

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2018

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO QUÝ III VÀ 9 THÁNG



Đơn vị	Số văn bản ban hành mới		Số văn bản được sửa đổi, bổ sung		Pháp luật về KNTC		Thực hiện pháp luật về KNTC		Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra	Kết quả kiểm tra				Ghi chú
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Lớp	Người	Số cuộc	Số đơn vị	Số đơn vị có vi phạm	Kiểm điểm, rút kinh nghiệm		Hành chính		Đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm		Đã xử lý hành chính				
								Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân			
																Tổ chức	Cá nhân	
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
TP																		
Q III	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0		
9 T	3	0	0	0	2	2	2	0	5	0	0	2	0	5	0	0		
P, X																		
Q III	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
9 T	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
Σ Quý III	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0		
Σ 09 tháng	3	0	0	0	2	2	2	0	5	0	0	2	0	5	0	0		

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2018

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc